

TÒA ÁN NHÂN DÂN  
QUẬN NK  
THÀNH PHỐ CT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 10/2020/HNST

Ngày: 25/02/2020

Vụ án: “*Tranh chấp ly hôn*”

### NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN NK, THÀNH PHỐ CT

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà *Trần Thị Hồng Gám*.

- Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà *Phạm Thị Thiện*.

2. Bà *Hồ Thị Kim Luyến*.

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà *Nguyễn Thị Hương* – Thư ký Tòa án nhân dân quận NK, thành phố CT.

Ngày 25/02/2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận NK, thành phố CT tiến hành xét xử công khai vụ án thụ lý số: 609/2019/TLST- HN ngày 02 tháng 12 năm 2019 về việc: “*Tranh chấp ly hôn*” theo Quyết định hoãn phiên tòa số: 13/2020/QĐST-HN ngày 07/02/2020, giữa các đương sự:

\* Nguyên đơn: Ông **Phan Văn T**, sinh năm 1971. (Xin vắng mặt)

Địa chỉ: 197A2/6 khu vực 2, phường An Bình, quận NK, thành phố CT.

\* Bị đơn: Bà **Trần Thị Diễm C**, sinh năm 1973. (Vắng mặt)

Địa chỉ: 38/27/7 Nguyễn Trãi, phường An Hội, quận NK, thành phố CT.

**NỘI DUNG CỦA VỤ ÁN:**

*\* Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và biên bản hòa giải nguyên đơn – Phan Văn T trình bày:*

- Về hôn nhân: Ông và bà Trần Thị Diễm C tự tìm hiểu một thời gian và tiến tới hôn, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Xuân Khánh, quận NK, thành phố CT vào ngày 25/04/2000. Quá trình chung sống hạnh phúc nhưng về sau thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn chủ yếu là do gánh nặng về kinh tế nên vợ chồng bất đồng quan điểm sống dẫn đến cự cãi và thời gian kéo dài. Cả hai đã ly thân từ cuối năm 2006 cho đến nay. Ông đã nhiều lần tìm cách hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không còn đạt được mà mâu thuẫn ngày càng trầm trọng hơn. Nay tình cảm đã thật sự rạn nứt không còn nên ông yêu cầu tòa án giải quyết ly hôn với bà Trần Thị Diễm C.

- Về con chung: Có 02 con chung tên Phan Thị Kim N (Nữ), sinh năm 1999 và Phan Thị Kim P (Nữ), sinh ngày 14/12/2001. Các con đã trưởng thành nên không yêu cầu tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có.

*Phía bị đơn – bà Trần Thị Diễm C:*

Bà C đã được tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn không đến Tòa án để tham dự hòa giải cũng như xét xử. Do đó, Tòa án đã làm thủ tục tổng đạt thông báo thụ lý, thông báo về phiên họp, quyết định đưa vụ án ra xét xử và quyết định hoãn phiên tòa cho bị đơn theo quy định tại điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Do phía bị đơn vắng mặt nên Tòa án không thể tiến hòa giải được mà phải đưa vụ án ra xét xử.

Tại phiên tòa,

Nguyên đơn có đơn xin vắng mặt do đó Hội đồng xét xử công bố lời khai của nguyên đơn, bị đơn triệu tập hợp lệ nhưng không tham dự phiên tòa do đó Hội đồng xét xử tiến hành xét xử theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] *Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:*

Ông T và bà C tự nguyện tìm hiểu và tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn nên được xem là hôn nhân hợp pháp. Khi phát sinh tranh chấp thì một trong các bên có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết và quan hệ này được Luật hôn nhân gia đình điều chỉnh, tranh chấp giữa các đương sự thuộc quan hệ “*Tranh chấp ly hôn*”. Mặc khác, bị đơn bà C có địa chỉ đăng ký hộ khẩu thường trú tại quận NK, thành phố CT nên vụ kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận NK theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] *Về phần thủ tục:*

Ông T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Nhận thấy, việc xin vắng mặt của ông T phù hợp với quy định tại Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Do đó, Tòa án xét xử vắng mặt đối với ông T là có cơ sở.

Bà C đã được triệu tập hợp lệ nhưng vẫn không đến Tòa án để tham dự hòa giải cũng như tham dự phiên tòa. Tòa án đã làm thủ tục tổng đạt trực tiếp quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa cho bị đơn theo quy định tại Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Do đó, Tòa án xét xử vắng mặt đối với bà C là có cơ sở.

[3] **VỀ quan hệ hôn nhân:** Ông T và bà C tự nguyện tiến tới hôn nhân, thời gian đầu chung sống rất hạnh phúc thì mâu thuẫn phát sinh. Mâu thuẫn chủ yếu là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống dẫn đến cự cãi, không có sự quan tâm, Ca sẻ trong cuộc sống, hiện nay cả hai đã ly thân một thời gian dài. Mặc dù, ông T nhiều lần tìm cách hàn gắn tình cảm nhưng không mang lại kết quả. Nay ông T thấy tình cảm không còn nên có đơn yêu cầu giải quyết ly hôn với bà C. Bà C được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng bà cũng không đến dự phiên hòa giải cũng như phiên tòa để trình bày ý kiến của mình, điều này chứng tỏ bà cũng không còn thiết tha gì đối với quan hệ hôn nhân này. Vì vậy, yêu cầu giải quyết ly hôn của ông T là có cơ sở để chấp nhận.

[3] **VỀ con chung:** Có 02 con chung tên Phan Thị Kim N (Nữ), sinh năm 1999 và Phan Thị Kim P (Nữ), sinh ngày 14/12/2001. Ông T xác định các con trưởng thành không yêu cầu tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

[4] **VỀ tài sản chung:** Không có, không yêu cầu xem xét. Nếu sau này có tranh chấp thì giải quyết thành vụ kiện khác.

[5] **VỀ nợ chung:** Không có.

[6] **Về án phí sơ thẩm:** Nguyên đơn phải nộp án phí Hôn nhân và Gia đình theo Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Từ những nhận định trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

#### **Áp dụng:**

- Khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Điều 56, Điều 57 Luật Hôn nhân và gia đình;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

**Tuyên án:** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phan Văn T.

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu giải quyết ly hôn của ông Phan Văn T đối với bà Trần Thị Diễm C.

- Về con chung: Có 02 con chung tên Phan Thị Kim N (Nữ), sinh năm 1999 và Phan Thị Kim P (Nữ), sinh ngày 14/12/2001. Các con trưởng thành không yêu cầu tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

- Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án đặt ra xem xét, giải quyết. Nếu sau này phát sinh tranh chấp thì giải quyết thành vụ kiện khác.

- Về nợ chung: Không có.

- Về án phí: Nguyên đơn phải nộp án phí hôn nhân sơ thẩm 300.000đồng (Ba trăm ngàn đồng), chuyển tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án mà nguyên đơn đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 002042 ngày 26/11/2019 thành án phí.

Báo cho các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại địa phương.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- **Nơi nhận:**

- + VKSND Q. NK;
- + C Cục THADS Q. NK;
- + UBND phường Xuân Khánh,  
TP. CT, T. CT;
- + Các đương sự;
- + Lưu hồ sơ vụ án.

**TRẦN THỊ HỒNG GÁM**